

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ - ST
Ngày 31/3/2025
"V/v Ly hôn "

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Xuyên.

2. Bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh:
Bà Lê Thị Kiều Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST – HNGĐ ngày 18/3/2025 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: chị Vũ Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn T, xã Hồng M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: số 7 đường X, khu đô thị P, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Phạm Văn L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ 2, khu 5B, phường D, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2024; bản tự khai; đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- Về tình cảm: chị (Vũ Thị N) cùng anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/01/2009, tại Ủy ban nhân xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn chung sống với nhau được

hơn hai tháng, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn tới chị N cùng anh L sống ly thân nhau từ đó đến nay và không có mối liên hệ gì nữa. Do tình trạng hôn nhân giữa chị N với anh L không thể hàn gắn được, vì vậy chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L.

- *Về con chung*: trong quá trình chung sống chị N cùng anh L, không có con chung, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: trong quá trình chung sống chị N cùng anh L, không có tài sản chung, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày văn bản nêu quan điểm của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến anh L, anh L đã được nhận đầy đủ. Tuy nhiên anh L biết toàn bộ nội dung Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn, nhưng anh L không chấp hành vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh vào ngày 10/02/2025 tại khu 5B, phường D, thành phố Uông Bí cung cấp. Chị N kết hôn với anh Phạm Văn L trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/01/2009. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cãi nhau, không thể hòa hợp được. Hiện nay chị N và anh L đã sống ly thân nhau, không quan tâm chăm sóc nhau. Dù đã được khu phố và gia đình hòa giải, nhưng không thể khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện tại chị N có nguyện vọng được ly hôn với anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định khi thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp và tư cách của những người tham gia tố tụng. Các hoạt động xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải đảm bảo quy định. Do bị đơn không có mặt nên vụ án không hòa giải được, Thẩm phán quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán cơ bản đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tổng đạt văn bản cho đương sự, giao tài liệu, quyết định, hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo thời hạn.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng và đầy đủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự khi xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng chị Vũ Thị N và anh Phạm Văn L đã trầm trọng, hai người đã sống ly thân nhau từ lâu, không quan tâm tới nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn L, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung và tài sản chung anh chị không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của tòa án:* chị Vũ Thị N có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn L có địa chỉ tổ 2, khu 5B, phường D, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, nên đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án như nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Bị đơn đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa và được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, theo quy định của pháp luật.

Vệc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, trong vụ án này Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị Vũ Thị N và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau có đăng ký kết hôn số: 05 ngày 23/01/2009, tại Ủy ban nhân xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân hợp pháp, tiến bộ được pháp luật công nhận và bảo vệ, đáng lẽ ra hai vợ chồng phải biết trân trọng, nâng niu, vun vén cho cuộc sống vợ chồng ngày càng hạnh phúc hơn, nhưng chỉ vì trong cuộc sống thường ngày phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp được với nhau, dẫn tới hai người mới kết hôn chung sống với nhau được hai tháng, hai người sống ly thân nhau từ năm 2009 đến nay, không còn quan tâm tới nhau nữa. Hiện tại chị N có đơn gửi tới Tòa án xin ly hôn anh L, anh L không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Khi chị N có đơn xin ly hôn gửi tới Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án đã tiến hành các trình tự theo Luật hòa giải đối thoại tại tòa án và Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã gửi thông báo hợp lệ về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần anh L đã được nhận đầy đủ, nhưng anh L vẫn không có mặt tại các phiên hòa giải, thể hiện Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh L đã biết

việc chị N khởi kiện vụ án ly hôn nhưng anh L không chấp hành pháp luật, không có mặt để giải quyết việc ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N xin ly hôn anh Phạm Văn L, xử cho chị N được ly hôn anh L là phù hợp với thực tế.

- *Về con chung*: trong quá trình chung sống chị Vũ Thị N với anh Phạm Văn L không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập và giải quyết.

- *Về tài sản chung*: chị Vũ Thị N trình bày không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa án giải quyết, anh Phạm Văn L không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không đề cập và giải quyết.

[4] *Về án phí*: chị Vũ Thị N phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị N xin ly hôn anh Phạm Văn L.

1 *Về quan hệ hôn nhân*: cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Phạm Văn L.

2 *Về án phí*: chị Vũ Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002755 ngày 18/10/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, chị Vũ Thị N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự, báo cho họ biết quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
Thẩm phán

Bà Vũ Thị Xuyên – Bà Phạm Thị Dung

Nguyễn Văn Bắc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND - TP Uông Bí;
- Chi cục THADS - TP Uông Bí;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Minh – H Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc